

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ NGƯỜI TỐ CÁO TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ Ở VIỆT NAM

• ThS. Bùi Thị Dung*

Tóm tắt: Bảo vệ người tố cáo trong tố tụng hình sự (TTHS) là một nội dung quan trọng nhằm bảo đảm quyền con người và thúc đẩy hiệu quả phòng, chống tội phạm. Trên cơ sở quyền tố cáo và quyền được bảo vệ là những quyền hiến định, pháp luật Việt Nam đã từng bước hoàn thiện các quy định liên quan đến bảo vệ người tố cáo. Cụ thể, Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Tố cáo đã thiết lập những biện pháp pháp lý nhằm bảo vệ danh tính, thân thể, tài sản và lợi ích hợp pháp khác của người tố cáo. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành vẫn còn nhiều bất cập như: thiếu hướng dẫn cụ thể, năng lực thực thi hạn chế và sự phối hợp chưa đồng bộ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Bài viết phân tích cơ sở pháp lý, thực tiễn áp dụng và đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp luật, nâng cao hiệu quả bảo vệ người tố cáo, qua đó bảo đảm tốt hơn quyền con người trong TTHS và xây dựng nền tư pháp công bằng, nhân đạo.

Từ khóa: Quyền con người; bảo vệ người tố cáo; tố tụng hình sự; pháp luật Việt Nam.

Abstract: Protecting denouncers in criminal proceedings is a crucial aspect of safeguarding human rights and enhancing the effectiveness of crime prevention and control. Based on the constitutional affirmation that the right to denounce and the right to protection are fundamental rights of citizens, Vietnamese law has progressively improved its legal framework concerning protection of denouncers. In particular, the Criminal Procedure Code and the Law on Denunciations have established legal measures to protect the identity, physical integrity, property, and other legitimate interests of denouncers. However, practical implementation still faces numerous challenges, including a lack of detailed guidance, limited enforcement capacity, and inconsistent coordination among procedural authorities. This article analyzes the legal basis, practical application, and proposes recommendations to improve the current legal system and enhance the effectiveness of protecting denouncers and hence, better guarantee human rights in criminal proceedings, contribute to building a fair and humane judicial system.

Keywords: Human rights; protection of denouncers/ criminal proceedings; Vietnamese law.

Ngày nhận: 25/6/2025 Ngày phản biện, đánh giá: 17/7/2025 Ngày duyệt: 31/7/2025

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, cùng với tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp, việc bảo vệ người tố cáo trong TTHS ngày càng trở thành vấn đề được

quan tâm. Người tố cáo không chỉ khởi nguồn cho quá trình phát hiện tội phạm mà còn góp phần bảo đảm công lý và phòng ngừa vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, trong thực tiễn tố tụng, họ thường phải đối diện với nhiều rủi ro

(*) Trường Đại học Luật, Đại học Quốc Gia Hà Nội. Email: buidung241287@gmail.com.

như bị đe dọa, trả thù hoặc trù dập, khiến quyền con người chưa được bảo đảm một cách đầy đủ.

Pháp luật Việt Nam đã có những quy định về bảo vệ người tố cáo, song còn thiếu cụ thể, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn và chưa theo kịp các chuẩn mực quốc tế. Khoảng trống này đặt ra nhu cầu cấp thiết phải nghiên cứu toàn diện, đánh giá đúng thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để nâng cao hiệu quả bảo vệ người tố cáo trong TTHS ở Việt Nam.

2. Cơ sở pháp lý về quyền con người và bảo vệ người tố cáo trong tố tụng hình sự

a) Hiến pháp và các văn bản pháp lý quốc tế

Thứ nhất, quy định tại Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) là văn bản pháp lý tối cao, khẳng định quyền con người là giá trị trung tâm trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Điều 14 của Hiến pháp quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”¹. Đây là nguyên tắc nền tảng để xác định trách nhiệm của Nhà nước trong việc thiết lập và bảo vệ các quyền này, trong đó có quyền được tố cáo và quyền được bảo vệ khi thực hiện tố cáo.

Điều 30 Hiến pháp quy định rõ: “Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những

việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác...”². Quy định này không chỉ khẳng định quyền tố cáo là quyền cơ bản của công dân, mà còn nhấn mạnh nghĩa vụ của Nhà nước trong bảo vệ người thực hiện quyền đó.

Thứ hai, các văn bản pháp luật quốc tế về phương diện quốc tế, pháp luật quốc tế khẳng định, quyền được bảo vệ an toàn cá nhân là quyền con người tối thiểu, không bị giới hạn ngay cả trong tình trạng khẩn cấp. Cụ thể, Điều 3 Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người (UDHR, 1948) quy định: “Ai cũng có quyền được sống, tự do và an toàn thân thể”³. Bảo vệ người tố cáo cũng là biện pháp cụ thể nhằm thực thi nguyên tắc bình đẳng, bảo đảm mọi người không bị phân biệt đối xử vì đã tố cáo hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Từ góc độ nghĩa vụ quốc gia, khoản 1, 2 Điều 2 của ICCPR khẳng định các quốc gia thành viên có trách nhiệm “tôn trọng và bảo đảm” quyền con người và có nghĩa vụ “ban hành những biện pháp lập pháp và những biện pháp cần thiết khác nhằm thực hiện các quyền được công nhận” để bảo vệ người dân khỏi bị xâm phạm quyền⁴.

Bên cạnh đó, Điều 33 Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) năm 2003 quy định: “Mỗi quốc gia thành viên sẽ xem xét việc quy định các biện pháp



Cán bộ công an tiếp nhận, phân loại khiếu nại, tố cáo.

Nguồn: baohinhphu.vn.

thích hợp trong hệ thống pháp luật quốc gia để bảo vệ trước những đối xử bất công đối với bất kỳ người nào tố giác, với thiện ý và dựa trên những căn cứ hợp lý, với cơ quan có thẩm quyền về bất cứ vụ việc nào có liên quan đến các tội phạm quy định theo Công ước này”⁵. Tuy nội dung Điều 33 chỉ đặt ra nghĩa vụ “xem xét” thay vì nghĩa vụ bắt buộc, nhưng đây được xem là chuẩn mực pháp lý có giá trị hướng dẫn và tham chiếu quan trọng, thể hiện sự thừa nhận ở cấp độ quốc tế đối với yêu cầu bảo vệ quyền con người của người tố cáo. Điều 33 hướng tới hai mục tiêu cơ bản: bảo đảm quyền được bảo vệ an toàn về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nghề nghiệp và tài sản cho người tố cáo và khuyến khích công dân tích cực phát hiện, tố giác hành vi tham nhũng và vi phạm pháp luật mà không lo ngại bị trả thù. Đây là căn cứ quan trọng thúc đẩy Việt Nam hoàn thiện pháp luật bảo vệ người tố cáo trong TTHS.

b) Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam và Luật Tố cáo

Việc bảo vệ người tố cáo trong TTHS là nội dung thể hiện sự ghi nhận và bảo đảm quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự, đặc biệt là quyền được sống an toàn, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm và tài sản của công dân khi tham gia tố tụng với tư cách là người tố cáo. Bộ luật TTHS năm 2015 (BLTTHS) và một số đạo luật chuyên ngành đã thiết lập cơ sở pháp lý, tuy không quy định trực tiếp nhưng đã gián tiếp quy định cho việc bảo vệ người tố cáo trong TTHS, gắn chặt với nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ quyền con người trong hoạt động tư pháp.

Thứ nhất, quy định trong Bộ luật TTHS: (1) Quyền tố cáo và quyền được bảo vệ của người tố cáo là những quyền tố tụng cơ bản của công dân trong lĩnh vực hình sự, được ghi nhận tại nhiều điều khoản trong

BLTTHS. Cụ thể, Điều 478 BLTTHS quy định: “Cá nhân có quyền tố cáo với cơ quan, người có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”⁶. Điều 481 BLTTHS cũng nêu rõ: “Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, xác minh và xử lý kịp thời tố giác, tin báo về tội phạm; có biện pháp bảo vệ người tố giác khi có yêu cầu”⁷. Quy định này khẳng định nghĩa vụ pháp lý của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc bảo vệ người tố cáo; (2) BLTTHS dành Điều 10 để quy định nguyên tắc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của con người, trong đó nêu rõ: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang”. Quy định này gián tiếp đảm bảo quyền an toàn thân thể cho tất cả các chủ thể, trong đó có người tố cáo, đồng thời là cơ sở pháp lý ngăn chặn hành vi trả thù hoặc xâm hại người tố cáo dưới hình thức bắt, giữ, giam giữ trái pháp luật; (3) tại Điều 55 BLTTHS, pháp luật xác định người tố giác, báo tin về tội phạm là một trong những người tham gia tố tụng. Cũng tại điểm a, khoản 1, Điều 56 quy định: “Người tố giác, báo tin về tội phạm có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giữ bí mật việc tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của họ, người thân thích của họ khi bị đe

dọa”⁸. Đây là cơ sở pháp lý trực tiếp để triển khai các biện pháp bảo vệ người tố cáo trong thực tiễn.

Như vậy, BLTTHS đã bước đầu hình thành cơ chế pháp lý bảo vệ quyền con người của người tố cáo trong TTTHS, qua đó khuyến khích công dân tham gia phát hiện, đấu tranh phòng chống tội phạm, đồng thời phòng ngừa việc lợi dụng quyền tố cáo để xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Thứ hai, Luật Tố cáo năm 2018. Tại Điều 47 quy định: “Bảo vệ người tố cáo là việc bảo vệ bí mật thông tin của người tố cáo; bảo vệ vị trí công tác, việc làm, tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo, vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người tố cáo (gọi chung là người được bảo vệ)”⁹. Như vậy, người tố cáo và người thân thích của người tố cáo được bảo vệ theo quy định của pháp luật khi bị đe dọa, trả thù, trù dập.

Các biện pháp bảo vệ người tố cáo chia làm 03 nhóm chính: *Một là*, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi tiếp nhận, chuyển đơn tố cáo, giải quyết tố cáo căn cứ vào tình hình cụ thể quyết định áp dụng biện pháp như: giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin cá nhân khác của người tố cáo trong quá trình khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu do người tố cáo cung cấp; lược bỏ họ tên, địa chỉ, bút tích, các thông tin cá nhân khác của người tố cáo ra khỏi đơn tố cáo và các tài liệu, chứng cứ kèm theo để quản lý theo chế độ mật khi giao cơ quan, tổ chức, cá nhân xác minh nội dung tố cáo; bố trí thời gian, địa điểm, lựa chọn phương thức làm việc phù hợp để bảo vệ bí mật thông tin cho người tố cáo khi làm việc

trực tiếp với người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; áp dụng biện pháp khác theo quy định của pháp luật; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng biện pháp cần thiết để giữ bí mật thông tin của người tố cáo; Hai là, biện pháp bảo vệ vị trí công tác, việc làm: biện pháp bảo vệ vị trí công tác, việc làm của người được bảo vệ là cán bộ, công chức, viên chức bao gồm: tạm đình chỉ, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định xử lý kỷ luật hoặc quyết định khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người được bảo vệ; khôi phục vị trí công tác, vị trí việc làm, các khoản thu nhập và lợi ích hợp pháp khác từ việc làm cho người được bảo vệ; xem xét bố trí công tác khác cho người được bảo vệ nếu có sự đồng ý của họ để tránh bị trả đũa, phân biệt đối xử... Ba là, biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm: đưa người được bảo vệ đến nơi an toàn; bố trí lực lượng, phương tiện, công cụ để trực tiếp bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm cho người được bảo vệ tại nơi cần thiết; áp dụng biện pháp cần thiết để ngăn chặn, xử lý hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ theo quy định của pháp luật; yêu cầu người có hành vi xâm hại hoặc đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ chấm dứt hành vi vi phạm.

3. Thực trạng pháp luật bảo vệ người tố cáo trong tố tụng hình sự

a) Những kết quả đạt được

Trong những năm qua, pháp luật về bảo vệ người tố cáo trong TTHS đã góp phần tạo cơ sở pháp lý quan trọng để khuyến khích

công dân tham gia phát hiện, tố giác tội phạm, qua đó nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm cụ thể như:

Thứ nhất, các cơ quan tiến hành tố tụng đã từng bước áp dụng một số biện pháp bảo vệ người tố cáo. Theo quy định tại Điều 56 Bộ luật TTHS năm 2015, người tố giác có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền “giữ bí mật việc tố giác, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của họ và người thân thích khi bị đe dọa”. Trong thực tiễn, nhiều vụ án hình sự, đặc biệt là các vụ án ma túy hoặc tham nhũng, cơ quan công an đã thực hiện biện pháp cách ly, hạn chế tiếp xúc giữa người tố cáo và người bị tố cáo nhằm bảo đảm an toàn cho họ¹⁰.

Thứ hai, hệ thống pháp luật ngày càng cụ thể hóa trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền. Luật Tố cáo năm 2018 (Điều 47, Điều 48) và Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 đã quy định rõ các nhóm biện pháp bảo vệ, bao gồm: bảo vệ bí mật thông tin, bảo vệ vị trí công tác, việc làm và bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm. Đây là bước tiến quan trọng so với Luật Tố cáo năm 2011, vốn còn nhiều khoảng trống về cơ chế bảo vệ.

Thứ ba, một số trường hợp cụ thể đã được áp dụng biện pháp bảo vệ khẩn cấp. Theo số liệu thống kê của Thanh tra Chính phủ (Báo cáo năm 2020), đã có hàng chục trường hợp người tố cáo, người làm chứng trong các vụ án hình sự nghiêm trọng được cơ quan công an áp dụng biện pháp đưa đến nơi an toàn, bố trí lực lượng bảo vệ trực tiếp nhằm bảo đảm tính mạng, sức khỏe¹¹.

Những kết quả trên cho thấy pháp luật Việt Nam đã bước đầu khẳng định vai trò bảo vệ quyền con người trong TTHS thông qua cơ chế bảo vệ người tố cáo, góp phần thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo đảm các quyền cơ bản của công dân (ICCPR, Điều 9; UNCAC, Điều 33).

b) Một số hạn chế

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, việc bảo vệ người tố cáo trong TTHS vẫn còn những hạn chế chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, pháp luật còn mang tính hình thức, thiếu hiệu lực thực tế: mặc dù Luật Tố cáo năm 2018 và Bộ luật TTHS năm 2015 đều đã ghi nhận quyền yêu cầu bảo vệ và các biện pháp bảo vệ người tố cáo, nhưng nhìn chung, các quy định này vẫn mang tính nguyên tắc, chưa cụ thể hóa để bảo vệ quyền con người một cách thực chất. Pháp luật chưa quy định rõ tiêu chí xác định mức độ nguy hiểm, trình tự, thời hạn xử lý yêu cầu bảo vệ, và trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan trong thực hiện biện pháp bảo vệ. Chính sự thiếu chi tiết này khiến việc áp dụng trên thực tế gặp nhiều lúng túng, thậm chí bị né tránh vì lo ngại trách nhiệm, dẫn đến quyền được bảo vệ, vốn là biểu hiện thiết thân của quyền sống, quyền an toàn thân thể mà không được thực thi hiệu quả.

Thứ hai, thiếu cơ chế bảo vệ phù hợp với đặc thù tố tụng hình sự. Tố tụng hình sự có tính cưỡng chế và tính xung đột cao, khiến người tố cáo thường phải đối diện với nguy cơ trả thù, đe dọa từ bị can, bị cáo hoặc người liên quan. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có cơ chế “phòng vệ khẩn cấp” dành

riêng cho người tố cáo trong các tình huống nguy hiểm cấp bách.

Các biện pháp như đưa đến nơi an toàn, thay đổi chỗ ở tạm thời, bảo vệ thân thể bằng lực lượng chuyên trách, hay ẩn danh thông tin qua công nghệ gần như chưa được luật hóa cụ thể trong lĩnh vực TTHS. Điều này cho thấy sự thiếu tương thích giữa pháp luật Việt Nam với các chuẩn mực quốc tế như Điều 9 ICCPR (quyền được an toàn thân thể) hay Điều 33 UNCAC (bảo vệ người tố giác tham nhũng khỏi đối xử bất công).

Hệ quả là người tố cáo, dù pháp luật công nhận có quyền được bảo vệ nhưng trong môi trường tố tụng cụ thể, lại không thể thực sự tin cậy vào hiệu lực bảo vệ của pháp luật, từ đó giảm khả năng thực thi quyền con người một cách đầy đủ và có ý nghĩa thực tế.

Thứ ba, bảo vệ quyền con người chưa được đặt làm trung tâm trong thiết kế pháp luật. Một trong những hạn chế cơ bản là pháp luật hiện hành vẫn tiếp cận theo tư duy “quản lý” trật tự tố tụng, thay vì lấy bảo vệ quyền con người làm trung tâm trong quy định và tổ chức thực thi pháp luật. Chẳng hạn, cơ quan được giao trách nhiệm bảo vệ người tố cáo thường cũng là cơ quan điều tra hoặc giải quyết vụ việc, điều này dễ dẫn đến mâu thuẫn lợi ích, ảnh hưởng đến tính khách quan và hiệu quả của việc bảo vệ.

Ngoài ra, chưa có thiết chế độc lập chuyên trách để giám sát việc thực thi quyền được bảo vệ, khiến người tố cáo không có nơi để khiếu nại, tố cáo khi quyền con người của họ bị xâm phạm chính bởi cơ quan tiến hành tố tụng. Điều này không chỉ trái với nguyên tắc quyền con người là tối cao và

được ưu tiên bảo vệ, mà còn thể hiện khoảng trống về thể chế, làm giảm hiệu quả phòng ngừa vi phạm quyền con người trong lĩnh vực tố tụng.

Thứ tư, thiếu chế tài bảo vệ quyền con người và cơ chế khắc phục vi phạm. Pháp luật hiện hành gần như chưa có cơ chế xử lý nghiêm minh đối với hành vi trả thù, đe dọa người tố cáo hoặc vi phạm nghĩa vụ bảo vệ. Trách nhiệm pháp lý của cán bộ tiến hành tố tụng khi không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo vệ cũng chưa được quy định rõ ràng, dẫn đến thực tế nhiều vi phạm quyền con người không bị xử lý, hoặc xử lý không đủ sức răn đe.

Hơn nữa, khi người tố cáo bị xâm hại thì quyền của họ chưa có cơ chế khôi phục hiệu quả, như quyền yêu cầu bồi thường, xin lỗi công khai, phục hồi vị trí công tác... Điều này không chỉ khiến quyền con người bị tổn hại nghiêm trọng mà còn làm giảm niềm tin xã hội vào pháp luật, đi ngược lại mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền dân chủ, nhân đạo như được quy định tại Hiến pháp năm 2013.

c) Nguyên nhân của những hạn chế

Các hạn chế trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, cả về lập pháp, tổ chức thực thi và điều kiện bảo đảm, cụ thể:

Thứ nhất, nguyên nhân từ phương diện lập pháp: các quy định hiện hành trong Bộ luật TTHS 2015 và Luật Tố cáo năm 2018 còn dừng lại ở nguyên tắc chung, thiếu quy định chi tiết về tiêu chí, trình tự, thủ tục, thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ. Điều này dẫn đến sự khó khăn, lúng túng trong thực tiễn khi các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết yêu cầu bảo vệ.

Thứ hai, nguyên nhân từ tổ chức thực thi: cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng (công an, viện kiểm sát, tòa án) với các cơ quan có thẩm quyền bảo vệ người tố cáo còn thiếu đồng bộ. Việc bảo vệ đôi khi bị coi là trách nhiệm “thêm” chứ chưa phải là nhiệm vụ trọng tâm, khiến nhiều trường hợp chưa được xử lý kịp thời.

Thứ ba, nguyên nhân từ điều kiện bảo đảm nguồn lực: công tác bảo vệ người tố cáo đòi hỏi kinh phí, nhân lực và phương tiện chuyên trách, trong khi ngân sách và điều kiện tổ chức thực tế còn hạn chế. Đây là một trong những lý do khiến nhiều biện pháp bảo vệ chỉ tồn tại trên giấy, khó triển khai đầy đủ.

Thứ tư, nguyên nhân từ nhận thức và năng lực cán bộ: một bộ phận cán bộ tiến hành tố tụng chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của việc bảo vệ người tố cáo trong mối liên hệ với bảo đảm quyền con người. Tư duy quản lý hành chính, thiên về duy trì trật tự tố tụng hơn là bảo vệ quyền lợi của cá nhân, vẫn còn khá phổ biến.

Thứ năm, nguyên nhân từ thiếu cơ chế giám sát và chế tài: chưa có thiết chế độc lập chuyên trách để giám sát việc thực hiện bảo vệ người tố cáo, đồng thời thiếu quy định cụ thể về trách nhiệm pháp lý đối với cán bộ, cơ quan vi phạm. Điều này khiến cơ chế bảo vệ thiếu tính ràng buộc, làm giảm hiệu quả thực thi.

Như vậy, nguyên nhân của các hạn chế không chỉ đến từ khuôn khổ pháp luật còn thiếu và chưa đồng bộ, mà còn bắt nguồn từ cơ chế tổ chức thực hiện chưa hiệu quả, nguồn lực hạn chế và nhận thức chưa đầy đủ về bảo đảm quyền con người trong hoạt động TTHS.

d) Yêu cầu bảo vệ quyền của người tố cáo trong tố tụng hình sự

Bảo vệ người tố cáo trong TTHS cần đáp ứng một số yêu cầu cơ bản sau:

Thứ nhất, bảo đảm quyền được sống, an toàn về thân thể, danh dự và nhân phẩm. Đây là quyền tối thượng, bất khả xâm phạm, được Hiến pháp năm 2013 và các điều ước quốc tế về quyền con người ghi nhận. Bất kỳ cơ chế pháp luật nào về bảo vệ người tố cáo cũng phải xuất phát từ yêu cầu bảo đảm an toàn cá nhân.

Thứ hai, bảo đảm quyền bình đẳng và không bị phân biệt đối xử. Người tố cáo, bất kể giới tính, nghề nghiệp, địa vị xã hội đều phải được pháp luật bảo vệ công bằng, không bị phân biệt đối xử trong việc tiếp cận và thụ hưởng các biện pháp bảo vệ.

Thứ ba, bảo đảm quyền tiếp cận công lý. Người tố cáo có quyền được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý yêu cầu bảo vệ một cách nhanh chóng, công bằng và minh bạch; có quyền khiếu nại, khởi kiện khi cơ quan nhà nước vi phạm nghĩa vụ bảo vệ.

Thứ tư, bảo đảm quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân và đời tư. Trong TTHS, giữ bí mật thông tin cá nhân của người tố cáo không chỉ là biện pháp kỹ thuật mà còn là yêu cầu nhân quyền nhằm tránh nguy cơ xâm hại, trả thù.

Thứ năm, bảo đảm tính độc lập, khách quan trong việc áp dụng biện pháp bảo vệ. Việc bảo vệ người tố cáo không nên chỉ phụ thuộc vào chính cơ quan tiến hành tố tụng (vốn có thể liên quan đến nội dung vụ việc), mà cần có sự tham gia giám sát, kiểm tra độc lập.

Những yêu cầu này vừa là tiêu chí đánh giá mức độ tôn trọng quyền con người trong

TTHS, vừa là định hướng quan trọng cho việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ người tố cáo ở Việt Nam.

4. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ người tố cáo trong tố tụng hình sự

Để khắc phục bất cập, khoảng trống nêu trên, cần tiếp cận vấn đề này từ ba khía cạnh: hoàn thiện lập pháp; đổi mới tổ chức thực thi pháp luật; và bảo đảm cơ chế giám sát, bảo vệ quyền con người của người tố cáo trong TTHS. Các giải pháp kiến nghị cụ thể như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật tố tụng hình sự theo hướng đồng bộ, cụ thể và tiếp cận quyền con người.

Một là, sửa đổi, bổ sung Bộ luật TTHS năm 2015 nhằm quy định cụ thể các biện pháp bảo vệ người tố cáo, đặc biệt là trong giai đoạn điều tra, truy tố - khi rủi ro bị trả thù là lớn nhất. Bộ luật cần quy định chi tiết về: điều kiện áp dụng biện pháp bảo vệ (dựa trên mức độ nguy cơ cụ thể); thẩm quyền quyết định và thời hạn áp dụng; quyền khiếu nại khi yêu cầu bảo vệ không được chấp nhận; cơ chế khẩn cấp cho các tình huống đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, tài sản người tố cáo.

Hai là, sửa đổi Luật Tố cáo năm 2018 theo hướng: mở rộng phạm vi áp dụng đối với tố cáo trong TTHS; bổ sung cơ chế bảo vệ người hỗ trợ tố cáo, người thân, cũng như người cung cấp thông tin tố cáo ẩn danh để phù hợp với yêu cầu bảo đảm quyền con người theo nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử; quy định rõ trách nhiệm pháp lý của cơ quan, cá nhân nếu vi phạm nghĩa vụ bảo vệ, đặc biệt là cán bộ tiến hành tố tụng có hành vi

né tránh, gây khó khăn cho người tố cáo.

Ba là, ban hành văn bản dưới luật hướng dẫn thống nhất, rõ ràng về: quy trình tiếp nhận yêu cầu bảo vệ người tố cáo trong TTHS; cách thức phối hợp giữa các cơ quan tố tụng và lực lượng công an cơ sở trong thực hiện bảo vệ; ứng dụng công nghệ bảo mật thông tin cá nhân, mã hóa danh tính người tố cáo; bảo vệ dữ liệu điện tử liên quan đến tố cáo theo Luật An ninh mạng và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Thứ hai, tăng cường thể chế thực thi pháp luật nhằm bảo đảm quyền con người trong TTHS.

Một là, thiết lập cơ quan chuyên trách hoặc bộ phận độc lập trong cơ quan tiến hành tố tụng để tiếp nhận, xử lý yêu cầu bảo vệ người tố cáo, đảm bảo tính khách quan, tránh xung đột lợi ích.

Hai là, tăng cường năng lực và trách nhiệm giải trình của đội ngũ cán bộ tố tụng về bảo vệ người tố cáo. Cần tổ chức bồi dưỡng thường xuyên kiến thức về quyền con người, đặc biệt là nghĩa vụ pháp lý trong bảo vệ người tố cáo theo tiêu chuẩn quốc tế. Cơ quan có thẩm quyền cần quy định rõ chế tài xử lý trách nhiệm nếu để xảy ra vi phạm quyền con người trong quá trình tố tụng, đặc biệt là trách nhiệm liên đới khi người tố cáo bị xâm hại do không được bảo vệ.

Ba là, bảo đảm nguồn lực tài chính và vật chất cho công tác bảo vệ người tố cáo. Việc thực thi biện pháp bảo vệ như di chuyển người tố cáo, bảo vệ bằng lực lượng chức năng, hỗ trợ chi phí sinh hoạt trong thời gian nguy hiểm... đòi hỏi ngân sách riêng và cơ chế phân bổ kịp thời.

Thứ ba, thiết lập cơ chế giám sát, khắc phục vi phạm quyền con người trong TTHS.

Một là, cần thành lập hoặc giao cho thiết chế độc lập như cơ quan nhân quyền quốc gia (nếu được thành lập), hoặc Ủy ban Tư pháp của Quốc hội chức năng giám sát việc bảo vệ người tố cáo, qua đó phát hiện sớm vi phạm quyền con người trong TTHS.

Hai là, thiết lập cơ chế khắc phục vi phạm quyền con người đối với người tố cáo bị xâm hại. Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, phục hồi danh dự, phục hồi vị trí công tác, truy cứu trách nhiệm người vi phạm cần được quy định rõ ràng trong pháp luật, với trình tự thủ tục đơn giản, hiệu quả.

Ba là, tăng cường minh bạch, trách nhiệm công khai thông qua báo cáo hàng năm của các cơ quan tố tụng về việc tiếp nhận, xử lý yêu cầu bảo vệ người tố cáo, kết quả áp dụng biện pháp bảo vệ và xử lý vi phạm nếu có. Đây là cơ sở đánh giá mức độ bảo đảm quyền con người trong thực tế, tạo áp lực cải thiện chất lượng bảo vệ.

Thứ tư, thúc đẩy giáo dục, truyền thông về quyền con người và bảo vệ người tố cáo.

Cần tổ chức thường xuyên hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho cán bộ và người dân về quyền tố cáo và quyền được bảo vệ của người tố cáo. Khuyến khích người dân sử dụng quyền tố cáo như một phương tiện bảo vệ lợi ích xã hội, đồng thời giúp họ hiểu rõ quyền được bảo vệ là quyền hiến định, có cơ sở pháp lý rõ ràng. Đặc biệt, cần truyền thông rõ ràng rằng việc bảo vệ người tố cáo không chỉ là bảo vệ cá nhân, mà còn là bảo vệ công lý, phòng ngừa vi phạm pháp luật và củng cố Nhà nước pháp quyền nhân đạo, vì con người.

Kết luận

Bảo vệ người tố cáo trong TTHS là một yêu cầu tất yếu của pháp luật hiện đại, thể hiện cam kết của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người. Trong TTHS, người tố cáo đóng vai trò khởi nguồn cho quá trình phát hiện và xử lý hành vi phạm tội, do đó, bảo vệ người tố cáo không chỉ nhằm khuyến khích công dân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, mà còn là phương tiện thiết yếu để bảo đảm các quyền cơ bản như quyền sống, quyền an toàn thân thể, quyền được tôn trọng danh dự, nhân phẩm.

Pháp luật Việt Nam hiện nay đã từng bước ghi nhận và thiết lập khung pháp lý về bảo vệ người tố cáo, thông qua các quy định tại Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Bộ luật TTHS năm 2015, Luật Tố cáo năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, dưới góc nhìn quyền con người, hệ thống pháp luật này vẫn còn mang tính hình thức, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu bảo đảm quyền con người trong điều kiện TTHS có tính chất cưỡng chế, rủi ro cao.

Để khắc phục những hạn chế trên, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật theo hướng cụ thể hóa các biện pháp bảo vệ người tố cáo, mở rộng phạm vi bảo vệ, thiết lập cơ chế thực thi hiệu quả và tăng cường trách nhiệm của các chủ thể liên quan. Đồng thời, cần đặt quyền con người làm trung tâm trong cả quá trình xây dựng pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật, nhằm bảo đảm người tố cáo được an toàn khi thực hiện quyền hiến định của mình, góp phần xây dựng nền tư pháp công bằng, liêm chính và nhân đạo.

Việc hoàn thiện cơ chế bảo vệ người tố cáo không chỉ là yêu cầu nội tại của tiến trình cải cách tư pháp, mà còn là cam kết quốc gia của Việt Nam trong thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên. Do đó, bảo đảm quyền con người thông qua bảo vệ người tố cáo cần được nhìn nhận như một trách nhiệm pháp lý và chính trị của Nhà nước pháp quyền, qua đó khẳng định vai trò trung tâm của con người trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Tài liệu trích dẫn

- (1) Xem thêm Điều 14, Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013.
- (2) Xem thêm Điều 30, Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013.
- (3) Xem thêm Điều 3, Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người năm 1948 - <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Tuyen-ngon-quoc-te-nhan-quyen-1948-65774.aspx>.
- (4) Xem thêm Điều 1,2 Công ước quốc tế và các quyền dân sự và chính trị, 1966 - <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Cong-uoc-quoc-te-ve-quyen-dan-su-va-chinh-tri-270274.aspx>.
- (5) Xem thêm Điều 33, Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng, 2003 - <https://aim.vatm.vn/images/stories/vnaic.vn/TaiLieu/CacVanBanQuanLy/tin/CONG%20UOC%20LHQ%20VE%20PCTN.pdf>.
- (6) Xem thêm Điều 478, Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015.
- (7) Xem thêm Điều 481, Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015.
- (8) Xem thêm Điều 56, Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015.
- (9) Xem thêm Điều 47, Luật Tố cáo năm 2018.
- (10) Xem thêm, <https://hvctcand.bocongan.gov.vn/tin-tuc/tin-tuc-cua-nganh/bo-cong-an-tong-ket-cong-tac-nam-2022-trien-khai-nhiem-vu-cong-tac-nam-2023-4664>.
- (11) Xem thêm <https://pbgdpl.laocai.gov.vn/phap-luat-khac/bao-ve-nguoi-to-cao-tham-nhung-tieu-cuc-1274461?>.